

Thứ năm, ngày 16 tháng 1 năm 2020

Vietnam Daily Review

Chinh phục ngưỡng 970 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/1/2020		●	
Tuần 13/1-17/1/2020		●	
Tháng 1/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Giao dịch tích cực trong cả phiên sáng lẫn chiều, Vn-Index ghi nhận mức tăng tốt. Ngành Ngân hàng tiếp tục giữ vai trò nâng đỡ thị trường dưới sự bứt phá của các cổ phiếu như BID, CTG, TCB, MBB, HDB, VCB. Trước sự cải thiện tâm lý tại các thị trường chứng khoán thế giới sau khi Mỹ và Trung Quốc chính thức kí thỏa thuận giai đoạn 1, thanh khoản tăng tốt cùng với động thái mua ròng trở lại của khối ngoại cũng phần nào cho thấy hiệu ứng trên cũng lan tỏa đến thị trường Việt Nam trong phiên hôm nay. Với phiên tăng điểm này, chỉ số đã thành công chinh phục ngưỡng 970 điểm và nhiều khả năng sẽ hướng đến thử thách ngưỡng mục tiêu 983 điểm như đã đề cập trong báo cáo Tuần 02 của chúng tôi.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 16/1/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng.

Danh mục i-Invest: Theme_Ngân hàng 2.6%. 17/20 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.6%**, con số này của VNINDEX là 0.7%

Phân tích kỹ thuật: CVT_ Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **+6.75 điểm**, đóng cửa 974.31. HNX-Index **+1.13 điểm**, đóng cửa 104.32.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+3.70); CTG (+1.48); HVN (+0.49); TCB (+0.41); MBB (+0.38)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.38); VRE (-0.26); VHM (-0.19); EIB (-0.16); SAB (-0.13)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,672 tỷ đồng**, **+33.8%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 7.53 điểm. Thị trường có 154 mã tăng, 63 mã tham chiếu và 174 giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **46.26 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm HDB (32.56 tỷ), BID (23.63 tỷ) và NLG (23.17 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **5.12 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

974.31

Giá trị: 2672.13 tỷ

6.75 (0.7%)

Khối ngoại (ròng): 46.26 tỷ

HNX-INDEX

104.32

Giá trị: 276.41 tỷ

1.13 (1.1%)

Khối ngoại (ròng): -5.12 tỷ

UPCOM-INDEX

55.46

Giá trị: 157.72 tỷ

0.11 (0.2%)

Khối ngoại(ròng): 0.08 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	58.3	0.83%
Giá vàng	1,555	-0.06%
Tỷ giá USD/VND	23,175	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,851	0.23%
Tỷ giá JPY/VND	21,067	-0.11%
LS liên NH 1 tháng	3.3%	4.02%
LS TPCP 5 năm	1.7%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HDB	32.6	NKG	-32.4
BID	23.6	VCB	-21.3
NLG	21.6	STB	-19.7
E1VFN30	17.3	PVD	-10.9
VNM	15.4	CII	-10.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **17/20 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.6%**, con số này của VNINDEX là 0.7%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **18/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngân hàng_2.6%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Ngân hàng	2.6%	5.0%	10.4%	5.7%	15.5%	29.8%	91.7%	22.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.9%	3.7%	7.5%	1.4%	8.9%	18.3%	53.2%	19.6%
VN FinSelect	1.5%	3.3%	6.3%	0.3%	6.7%	14.6%	42.7%	18.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.4%	2.3%	2.4%	-4.7%	0.8%	8.6%	57.7%	14.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.3%	2.1%	3.1%	-2.7%	8.4%	20.0%	76.7%	17.3%
VN Diamond	1.2%	2.2%	3.8%	-2.8%	9.5%	20.8%	72.5%	17.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.2%	2.7%	3.9%	-0.8%	9.6%	33.8%	119.2%	18.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.9%	1.6%	3.0%	-1.8%	5.9%	18.8%	85.3%	15.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.8%	2.2%	-1.3%	-4.2%	-12.7%	-5.8%	40.3%	21.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.7%	0.0%	-1.8%	0.3%	-4.6%	13.4%	46.3%	14.4%
Nước & Năng lượng	0.4%	-0.3%	-3.9%	-6.4%	-8.3%	3.6%	40.2%	14.3%
Vật liệu Xây dựng	0.3%	1.7%	-1.1%	-1.8%	0.5%	11.8%	9.8%	18.6%
Xây dựng	0.3%	-0.6%	-5.4%	-16.1%	-16.8%	-14.6%	14.7%	18.2%
Hàng tiêu dùng	0.2%	0.5%	-0.3%	-10.6%	-6.0%	2.5%	55.8%	17.2%
FTSE Việt Nam	0.2%	0.8%	1.5%	-1.6%	0.7%	8.5%	87.2%	14.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	0.8%	1.3%	-2.3%	-1.0%	7.7%	76.2%	13.7%
Dầu khí	0.1%	-3.2%	-4.2%	-9.0%	-13.8%	0.6%	16.6%	22.6%
Lãi suất giảm	0.0%	0.8%	0.1%	-7.0%	-6.5%	1.4%	51.7%	17.8%
BDS & Khu công nghiệp	-0.2%	1.1%	0.0%	-3.3%	-2.4%	7.0%	59.2%	16.6%
Chiến tranh thương mại	-0.2%	-0.2%	-2.5%	-7.3%	-12.2%	3.1%	10.1%	15.5%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 11	1.9%	2.5%	2.7%	-6.5%	-3.5%	14.6%	76.0%	19.0%
Danh mục 17	1.7%	2.1%	-2.4%	-8.3%	-6.2%	17.9%	134.9%	18.9%
Danh mục 6	1.3%	2.0%	-0.8%	-7.8%	-0.9%	13.6%	89.0%	21.9%
Danh mục 5	0.1%	2.0%	1.0%	-3.1%	-1.0%	14.9%	65.9%	17.2%
Danh mục 8	0.1%	1.2%	1.6%	-2.2%	1.1%	16.9%	59.2%	17.3%

* Note **18/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 25	2.0%	1.9%	0.2%	-5.3%	1.7%	27.4%	122.2%	17.7%
Danh mục 21	1.3%	2.0%	3.2%	-2.2%	6.9%	19.6%	61.2%	15.6%
Danh mục 23	1.2%	1.3%	-4.3%	-7.6%	-7.9%	14.7%	91.2%	18.7%
Danh mục 24	0.3%	-0.4%	-0.7%	-5.5%	-3.4%	24.9%	89.4%	20.0%
Danh mục 20	0.3%	1.6%	2.3%	-1.6%	4.9%	19.1%	60.1%	16.7%

* Note **7/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

INDEX								
VNINDEX	0.7%	1.5%	2.1%	-1.5%	-0.8%	8.0%	44.2%	15.3%
VN30INDEX	0.7%	1.6%	2.8%	-3.0%	1.4%	3.8%	40.5%	15.7%

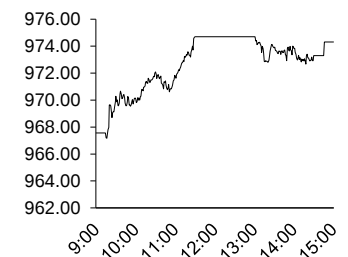
*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#login>

BSC RESEARCH
1/16/2020
Vietnam Daily Review

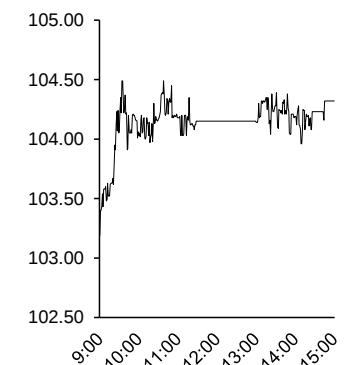
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Y tế	-1.0%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.5%
Xây dựng và Vật liệu	-0.4%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.2%
Truyền thông	-0.1%
Bất động sản	-0.1%
Thực phẩm và đồ uống	-0.1%
Viễn thông	0.0%
Bảo hiểm	0.0%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.1%
Ô tô và phụ tùng	0.5%
Dầu khí	0.6%
Tài nguyên Cơ bản	0.6%
Hóa chất	0.8%
Công nghệ Thông tin	1.0%
Bán lẻ	1.0%
Du lịch và Giải trí	1.1%
Dịch vụ tài chính	1.2%
Ngân hàng	2.4%

Nguồn: FinPro

Phân tích kỹ thuật

CVT_ Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: CVT vừa hình thành phiên bứt phá nhẹ sau khi tích lũy ngắn hạn tại ngưỡng giá 20.5. Thanh khoản cổ phiếu vẫn đang ở mức thấp và nằm dưới ngưỡng trung bình 20 phiên, nhưng đang có dấu hiệu hồi phục dần. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế mua tại vùng giá 20-21, chốt lãi trung hạn tại ngưỡng kháng cự cũ 24-25 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

HPG_ Tăng giá

[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 16/1/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 16/1	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	58.13	-0.20%	-2.24%	-3.46%	11.13%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	64.27	-0.19%	-0.80%	-1.64%	4.82%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.66	-0.50%	-0.35%	-0.06%	17.37%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1558.48	0.40%	0.07%	5.66%	20.49%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.01	0.85%	-0.86%	5.75%	15.50%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	930.51	-1.24%	-1.84%	1.20%	4.03%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	574.62	0.96%	4.01%	4.02%	12.12%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.96	0.12%	-0.24%	-12.53%	20.63%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	173.50	-2.09%	-2.14%	-1.08%	-9.54%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.52	1.40%	7.80%	9.26%	10.25%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	2.80	0.00%	12.00%	-2.78%	-5.41%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	114.30	-0.52%	-4.07%	-15.83%	11.62%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.86	-0.25%	1.74%	2.01%	6.17%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3770.00	-3.95%	0.59%	1.97%	4.64%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1809.00	0.61%	-0.39%	1.74%	-2.69%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	95.50	2.14%	1.06%	2.69%	29.05%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	72.52	-0.49%	4.42%	6.02%	-28.38%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent giảm 49 US cent tương đương 0.8% xuống 64 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI giảm 42 US cent tương đương 0.7% xuống 57.81 USD/thùng.
- Giá dầu giảm nhẹ do dự trữ các sản phẩm dầu tinh chế của Mỹ tăng mạnh, song mức giảm được hạn chế bởi việc ký kết thỏa thuận thương mại giai đoạn 1 giữa Washington và Bắc Kinh.
- Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) cho biết, dự trữ xăng của Mỹ trong tuần trước tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 2/2019, trong khi dự trữ sản phẩm chưng cất tăng mạnh nhất kể từ tháng 9/2017.
- Thỏa thuận thương mại Mỹ - Trung giai đoạn 1 được ký kết, Trung Quốc sẽ mua thêm 18.5 tỉ USD sản phẩm năng lượng của Mỹ trong năm đầu tiên và 33.9 tỉ USD trong năm thứ hai.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.7% lên 1,557.02 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 2/2020 tăng 0.6% lên 1,554 USD/ounce.
- Giá vàng tăng do các chi tiết của thỏa thuận thương mại Mỹ - Trung giai đoạn 1 vẫn chưa xoa dịu mối lo ngại của các nhà đầu tư về sự khác biệt, bởi Washington vẫn duy trì thuế quan đối với một số hàng hóa của Trung Quốc.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Đại Liên giảm 0.3% xuống 664 CNY (96.41 USD)/tấn. Giá quặng sắt tại Trung Quốc đảo chiều giảm sau khi tăng trong đầu phiên giao dịch, do dự trữ quặng sắt tại các cảng của Trung Quốc giảm khiến các nhà đầu tư thận trọng về triển vọng nguồn cung, trong khi khối lượng giao dịch thấp cho thấy nhu cầu suy giảm. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây giảm 0.3%, trong khi giá thép cuộn cán nóng không thay đổi.

Giá nông sản

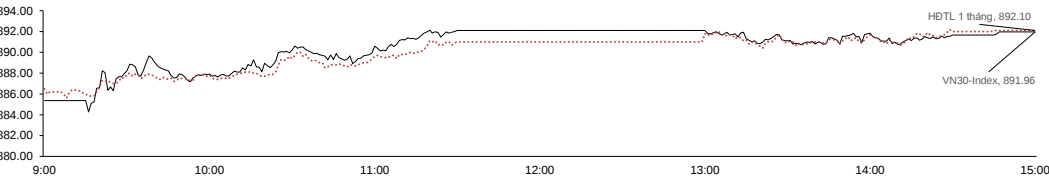
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 0.3 US cent tương đương 0.3% lên 1.152 USD/lb. Giá cà phê robusta giao cùng kỳ hạn trên sàn London tăng 9 USD tương đương 0.7% lên 1,329 USD/tấn.
- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2019 tăng 0.14 US cent tương đương 1% lên 14.46 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 1.5 USD tương đương 0.4% lên 391.3 USD/tấn, trong phiên trước đó đạt mức cao nhất 2 năm (400 USD/tấn). Giá đường tăng lên mức cao nhất 2 năm được hỗ trợ bởi nguồn cung thắt chặt.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 6/2020 trên sàn TOCOM giảm 2.1 JPY (0.0191 USD) xuống 205.7 JPY/kg. Trên sàn Thượng Hải, giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 giảm 100 CNY (14.52 USD) xuống 13,195 CNY/tấn.

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đảo hạn	Số ngày*
VN30F2001	892.10	0.94%	0.14	-8.9%	54457	1/16/2020	0
VN30F2002	891.40	0.93%	-0.56	503.0%	9329	2/20/2020	35
VN30F2003	893.70	1.05%	1.74	78.6%	50	3/19/2020	63
VN30F2006	896.90	0.85%	4.94	141.7%	29	6/18/2020	154

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng +6.60 điểm lên mức 891.96 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, MBB, HDB, FPT, và BID tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, VN30 tăng tích cực lên 892 điểm. Sang phiên chiều, VN30 vận động tích lũy quanh vùng giá 891-892 điểm. Thanh khoản phục hồi trong ngày đảo hạn HDTL VN30F2001. VN30 có thể tăng lên ngưỡng 896 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2002 và VN30F2006 đang tăng, trong khi VN30F2003 đang giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm kéo dài. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đảo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CREE1902	SSI	1/22/2020	6	1:1	91,830	96.2%	1.0 triệu	22.53%	5,600	1,080	44.00%	665.50	1.62
CMBB1904	SSI	1/22/2020	6	1:1	175,400	458.2%	2.0 triệu	17.93%	2,900	530	43.24%	210.40	2.52
CMBB1903	SSI	4/22/2020	97	1:1	196,670	189.7%	3.0 triệu	17.93%	4,000	2,260	15.31%	951.40	2.38
CMBB1905	HSC	4/8/2020	83	2:1	383,000	1276.2%	5.0 triệu	17.93%	1,700	870	14.47%	444.90	1.96
CREE1903	SSI	4/22/2020	97	1:1	18,390	28.1%	1.0 triệu	22.53%	7,600	4,380	10.61%	2,126.20	2.06
CFPT1905	SSI	4/22/2020	97	1:1	42,360	-15.3%	1.0 triệu	20.96%	9,900	6,960	9.61%	4,698.20	1.48
CREE1905	MBS	6/17/2020	153	3:1	100,390	646.9%	2.4 triệu	22.53%	2,150	1,900	7.34%	3,519.70	0.54
CVPB1901	VND	3/5/2020	49	1:1	167,240	46.1%	2.0 triệu	21.12%	3,500	4,430	7.00%	3,966.70	1.12
CTCB1902	VND	6/5/2020	141	1:1	173,430	487.5%	2.0 triệu	21.28%	5,300	3,950	6.47%	2,959.70	1.33
CFPT1906	HSC	4/8/2020	83	5:1	197,240	-2.7%	5.0 triệu	20.96%	1,700	1,220	6.09%	3,175.80	0.38
CFPT1908	MBS	6/17/2020	153	3:1	82,240	100.1%	2.4 triệu	20.96%	3,150	3,080	3.70%	6,186.90	0.50
CVNM1906	VND	3/5/2020	49	2:1	68,080	165.8%	1.0 triệu	17.83%	8,100	4,930	3.57%	2,695.60	1.83
CVNM1903	SSI	4/22/2020	97	1:1	12,860	64.7%	1.0 triệu	17.83%	26,600	13,500	0.97%	4,192.40	3.22
CHPG1907	SSI	4/22/2020	97	1:1	55,050	7.6%	1.0 triệu	24.83%	4,200	5,650	0.89%	4,639.20	1.22
CVJC1902	SSI	4/22/2020	97	1:1	7,920	30.3%	1.0 triệu	13.65%	27,900	25,700	0.86%	17,758.50	1.45
CHPG1909	KIS	5/15/2020	120	2:1	57,140	-73.4%	5.0 triệu	24.83%	1,800	1,630	0.00%	1,964.80	0.83
CVHM1902	SSI	4/22/2020	97	1:1	8,810	-20.5%	1.0 triệu	21.75%	18,600	10,040	-0.59%	4,981.60	2.02
CPNJ1902	MBS	1/22/2020	6	5:1	63,180	19.2%	1.5 triệu	21.83%	2,220	2,200	-1.79%	10,961.70	0.20
CVRE1903	KIS	5/15/2020	120	2:1	80,290	141.4%	4.0 triệu	22.16%	2,700	1,560	-8.24%	518.50	3.01
CVRE1902	HSC	4/8/2020	83	4:1	85,320	28.5%	5.0 triệu	22.16%	1,300	900	-14.29%	429.40	2.10
CROS2001	KIS	6/19/2020	155	4:1	1,410	-89.6%	10.0 triệu	38.51%	1,500	380	-15.56%	0.20	1,900.00
Tổng:					2,068,250		46.30 triệu	21.53%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đảo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 16/1/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng.

• Về giá, CREE1902 và CMBB1904 tăng mạnh nhất lần lượt là 44.00% và 43.24%. Trái lại, CROS2001 và CVRE1902 giảm mạnh nhất lần lượt là -15.56% và -14.29%. Thanh khoản thị trường tăng 19.26%. CMBB1905 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.58% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG, VJC và VRE, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVJC1902 và CHPG1907 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG1908 và CHPG1907 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. HDB tăng tích cực sau giai đoạn vận động tích lũy quanh vùng giá 26-28. Thanh khoản tăng, đồng thuận với tín hiệu tăng của các chỉ báo động lượng. Vận động tăng của HDB có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tiếp theo.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	23.30	1.75	1.25
MBB	22.00	2.56	1.06
HDB	28.65	3.24	0.85
BID	54.00	5.88	0.83
FPT	58.00	1.75	0.75

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
EIB	17.6	-2.50	-0.65
VRE	32.8	-1.20	-0.26
ROS	10.5	-6.67	-0.23
MSN	56.2	-0.53	-0.19
VHM	86.1	-0.23	-0.10

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CREE1902	41,600	36,000	36,400
CMBB1904	24,900	22,000	22,000
CMBB1903	26,000	22,000	22,000
CMBB1905	26,400	23,000	22,000
CREE1903	43,600	36,000	36,400
CFPT1905	64,900	55,000	58,000
CREE1905	41,050	34,600	36,400
CVPB1901	21,500	18,000	21,850
CTCB1902	26,300	21,000	23,300
CFPT1906	65,500	57,000	58,000
CFPT1908	63,450	54,000	58,000
CVNM1906	130,225	114,025	118,200
CVNM1903	145,580	118,980	118,200
CHPG1907	25,200	21,000	25,300
CVJC1902	157,900	130,000	146,000
CHPG1909	28,280	24,680	25,300
CVHM1902	103,600	85,000	86,100
CPNJ1902	90,100	79,000	89,900
CVRE1903	41,189	35,789	32,800
CVRE1902	37,700	32,500	32,800
CROS2001	32,468	26,468	10,500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	115.4	1.2%	0.8	2,274	2.6	8,321	13.9	4.5	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	89.9	-0.1%	1.0	880	2.5	4,839	18.6	4.9	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	66.0	0.2%	1.3	2,130	0.5	1,889	34.9	3.0	29.5%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	32.1	-0.3%	0.7	323	0.1	2,801	11.5	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	115.0	0.0%	1.0	16,912	0.9	1,589	72.4	4.9	14.8%	7.8%
VRE	Bất động sản	32.8	-1.2%	1.1	3,241	1.4	1,033	31.8	2.7	33.0%	8.8%
NVL	Bất động sản	56.0	1.8%	0.8	2,361	0.8	3,187	17.6	2.5	7.0%	15.5%
REE	Bất động sản	36.4	2.4%	1.0	491	1.5	5,614	6.5	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	13.3	-0.7%	1.4	303	0.4	3,215	4.1	0.8	45.4%	25.9%
SSI	Chứng khoán	19.1	3.8%	1.4	422	1.9	1,769	10.8	1.0	54.9%	9.4%
VCI	Chứng khoán	28.5	-1.7%	1.0	204	0.0	5,067	5.6	1.3	36.1%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.9	3.3%	1.5	290	1.5	1,287	17.0	1.5	56.4%	10.2%
FPT	Công nghệ	58.0	1.8%	0.9	1,710	4.9	4,688	12.4	2.9	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	42.0	0.0%	0.4	454	0.0	4,156	10.1	2.5	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	93.3	-0.7%	1.7	7,764	2.1	5,886	15.9	3.9	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	55.7	0.5%	1.5	2,884	0.4	3,467	16.1	3.0	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	18.0	1.1%	1.6	374	1.9	2,062	8.7	0.7	21.4%	8.5%
BSR	Dầu khí	7.4	1.4%	0.8	998	0.9	1,163	6.4	0.7	41.1%	11.0%
DHG	Dược	87.4	-1.8%	0.5	497	0.1	4,535	19.3	3.6	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	12.5	-2.0%	0.8	213	0.2	650	19.2	0.6	18.9%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.0	0.0%	0.6	137	0.0	625	9.5	0.5	2.4%	5.5%
VCB	Ngân hàng	89.5	0.2%	1.3	14,432	4.6	5,274	17.0	4.1	23.8%	27.1%
BID	Ngân hàng	54.0	5.9%	1.6	9,443	2.3	2,109	25.6	3.3	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	24.9	5.5%	1.6	4,031	8.5	1,641	15.2	1.2	29.7%	8.5%
VPB	Ngân hàng	21.9	0.9%	1.2	2,316	2.7	3,341	6.5	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	22.0	2.6%	1.2	2,225	7.8	3,261	6.7	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.9	2.6%	1.1	1,721	2.9	3,585	6.7	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	45.3	-0.4%	0.8	161	0.0	5,073	8.9	1.5	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	30.7	0.7%	0.3	131	0.0	4,603	6.7	1.1	20.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	14.9	-0.7%	1.3	641	0.0	732	20.4	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	25.3	0.6%	0.9	3,037	7.5	2,526	10.0	1.5	38.4%	17.4%
HSG	Thép	8.5	0.8%	1.6	157	1.7	890	9.6	0.7	17.8%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	118.2	0.3%	0.7	8,949	2.8	5,527	21.4	7.6	58.7%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	233.3	-0.3%	0.8	6,505	0.1	7,365	31.7	8.4	63.3%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	56.2	-0.5%	1.2	2,856	0.7	4,512	12.5	2.0	39.2%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.6	-0.5%	0.6	474	1.5	440	42.3	1.5	6.3%	3.5%
ACV	Vận tải	71.0	-0.1%	0.8	6,720	0.3	2,630	27.0	5.0	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	146.0	0.0%	1.1	3,325	2.6	9,850	14.8	5.6	19.6%	43.3%
HVN	Vận tải	33.0	3.6%	1.7	2,035	0.3	1,747	18.9	2.6	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	21.2	-0.7%	0.8	274	0.4	1,949	10.9	1.0	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	15.5	-0.3%	0.6	190	0.1	2,571	6.0	1.0	32.0%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	67.4	0.9%	1.0	469	0.7	8,338	8.1	3.4	2.2%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.0	0.0%	0.7	351	0.1	1,398	12.9	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.9	-0.3%	0.8	247	0.0	1,912	7.8	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	49.3	-0.3%	0.8	164	0.1	9,842	5.0	0.5	47.3%	9.3%
VCG	Xây dựng	25.6	0.0%	1.1	492	0.2	1,557	16.4	1.7	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	26.0	0.4%	0.4	280	1.3	1,845	14.1	1.2	51.0%	8.8%
POW	Điện	11.0	0.9%	0.6	1,120	0.7	820	13.4	1.1	13.6%	7.8%
NT2	Điện	18.7	0.0%	0.5	233	0.1	2,721	6.9	1.3	18.6%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	54.00	5.88	3.52	1.00MLN
CTG	24.90	5.51	1.41	8.00MLN
HVN	33.00	3.61	0.48	241750.00
TCB	23.30	1.75	0.41	4.38MLN
MBB	22.00	2.56	0.38	8.17MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	93.30	-0.74	-0.39	508390.00
VRE	32.80	-1.20	-0.27	979630.00
VHM	86.10	-0.23	-0.20	441860.00
EIB	17.55	-2.50	-0.16	76990.00
SAB	233.30	-0.30	-0.13	9270.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCO	13.00	7.00	0.01	20.00
VNL	14.55	6.99	0.00	10.00
POM	5.58	6.95	0.03	20.00
NAV	18.55	6.92	0.00	10.00
TPC	8.85	6.88	0.00	10.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
RIC	5.58	-7.00	0.00	50.00
UDC	4.00	-6.98	0.00	100.00
LMH	3.88	-6.95	0.00	2450.00
SC5	25.45	-6.95	-0.01	10.00
EMC	14.75	-6.94	-0.01	1660.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.90	2.58	0.98	2.82MLN
SHB	7.50	1.35	0.11	5.81MLN
PVS	18.00	1.12	0.05	2.48MLN
VIX	5.90	9.26	0.04	16100.00
PMC	52.00	8.79	0.02	500.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AMV	20.50	-9.69	-0.07	173200.00
CEO	8.80	-2.22	-0.03	410900.00
SGC	96.00	-9.94	-0.02	100.00
SEB	35.70	-10.75	-0.02	600.00
VNT	46.40	-9.38	-0.01	4000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

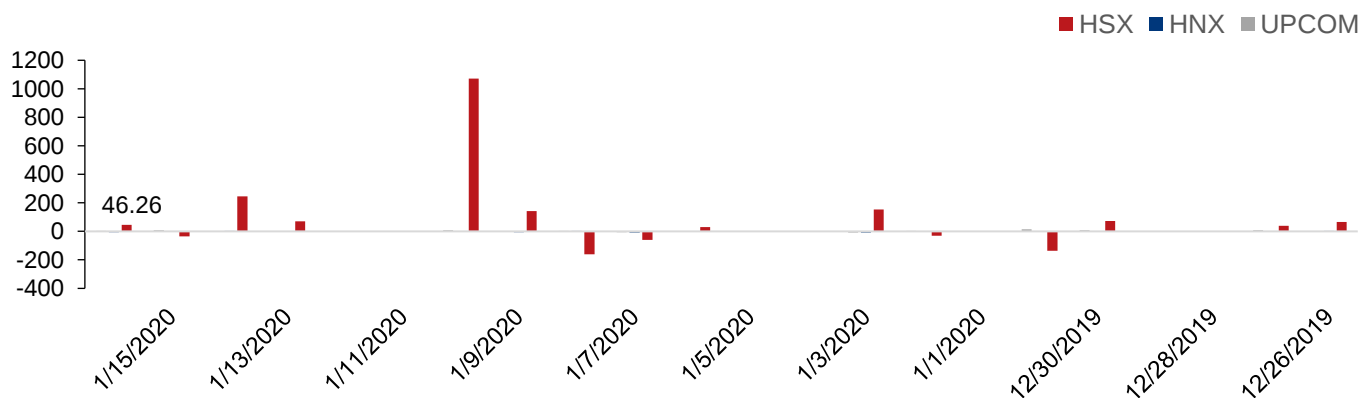
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.70	16.7	0.01	384700.00
DST	0.90	12.5	0.00	263700.00
LUT	2.20	10.0	0.00	500.00
NBP	13.40	9.8	0.00	100.00
CKV	16.30	9.4	0.00	300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	0.80	-11.11	0.00	19800.00
SEB	35.70	-10.75	-0.02	600.00
LBE	32.40	-10.00	0.00	2800.00
LM7	9.00	-10.00	0.00	100.00
SGC	96.00	-9.94	-0.02	100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
13	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
14	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
15	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
20	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	27.0	5,020	5.4	1.2	Click
2	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	89.9	4,839	18.6	4.9	Click
3	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	15.5	2,571	6.0	1.0	Click
4	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	160.7	29,035	5.5	4.4	Click
5	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	14.7	0	13.8	0.5	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	115.4	8,321	13.9	4.5	Click
7	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	23.9	3,585	6.7	1.5	Click
8	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.4	2,692	4.6	0.7	Click
9	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	23.3	2,660	8.8	1.4	Click
10	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	114.8	6,216	18.5	7.0	Click
11	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	89.5	5,274	17.0	4.1	Click
12	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	30.6	9,530	3.2	1.6	Click
13	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	58.0	4,688	12.4	2.9	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	24.7	3,491	7.1	1.2	Click
15	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	17.5	2,246	7.8	0.8	Click
16	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	32.5	2,846	11.4	0.6	Click
17	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	56.2	4,512	12.5	2.0	Click
18	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	118.2	5,527	21.4	7.6	Click
19	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.9	2,887	7.6	1.5	Click
20	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	79.0	93.5	36.4	5,614	6.5	1.1	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn